

Ngày thi: 05/10/2014

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
1	122210235	Nguyễn Hồng Anh	K16XDD2	0		0						V	0.0	Không	NỢ HP		
2	162216497	Võ Đức Anh	K16XDD2	10		6						6	6.6	Sáu phẩy Sáu			
3	162213209	Võ Đăng Bảo	K16XDD3	4		4						6	5.1	Năm phẩy Một			
4	162217253	Hoàng Bi	K16XDD2	7		4						V	0.0	Không	NỢ LP		
5	162213213	Nguyễn Đức Bình	K16XDD1	10		6						5.5	6.3	Sáu phẩy Ba			
6	162213216	Nguyễn Tuấn Đăng	K16XDD1	10		6						V	0.0	Không	NỢ LP		
7	162213217	Nguyễn Văn Đạt	K16XDD2	0		0						V	0.0	Không	NỢ HP		
8	162213219	Lê Nhật Công Doan	K16XDD2	10		6						5.5	6.3	Sáu phẩy Ba			
9	162213222	Nguyễn Hữu Thanh Dũng	K16XDD3	0		0						V	0.0	Không	NỢ HP		
10	162213226	Nguyễn Quang Giới	K16XDD3	2		2						6	4.2	Bốn phẩy Hai			
11	162163166	Nguyễn Minh Hải	K16XDD2	10		5						5.5	6.0	Sáu			
12	162213233	Trần Lê Hiếu	K16XDD1	10		5						5	5.8	Năm phẩy Tám			
13	152215527	Nguyễn Thiên Hưng	K16XDD3	5		5						5.5	5.3	Năm phẩy Ba			
14	132315710	Châu Quang Huy	K16XDD2	2		2						V	0.0	Không	NỢ LP		
15	162213258	Lê Duy Lộc	K16XDD1	10		6						4.5	5.8	Năm phẩy Tám			
16	152212642	Trần Văn Lợi	K15XDD1	5.5		4						5	4.8	Bốn phẩy Tám			
17	162213262	Nguyễn Đại Long	K16XDD2	10		6						5	6.1	Sáu phẩy Một			
18	162213267	Hồ Thăng Minh	K16XDD1	10		5						5	5.8	Năm phẩy Tám			
19	162213268	Trần Hải Nam	K16XDD3	0		0						V	0.0	Không	NỢ HP		
20	162213272	Nguyễn Phước Bảo Đại Ngọc	K16XDD3	3		3						V	0.0	Không	NỢ LP		
21	162216501	Ngô Trí Nguyên	K16XDD1	2		2						V	0.0	Không	NỢ LP		
22	162213275	Lê Bá Nguyên	K16XDD3	2		2						V	0.0	Không	NỢ LP		
23	162213278	Trần Thanh Pháp	K16XDD2	10		6						6	6.6	Sáu phẩy Sáu			
24	162213279	Lưu Vũ Tấn Phong	K16XDD2	8.5		5						6	6.1	Sáu phẩy Một			
25	152212700	Vô Thanh Phong	K16XDD2	7		4						4	4.5	Bốn phẩy Năm			
26	162213280	Bùi Văn Phú	K16XDD3	0		0						V	0.0	Không	NỢ HP		
27	162213282	Trần Hữu Phương	K16XDD3	2		2						V	0.0	Không	NỢ LP		
28	162213287	Hoàng Thanh Quang	K16XDD1	10		5						4	5.2	Năm phẩy Hai			
29	142211262	Đỗ Thái Sơn	K16XDD2	0		0						V	0.0	Không	NỢ LP		
30	162213300	Đoàn Ngọc Thạch	K16XDD2	10		6						6	6.6	Sáu phẩy Sáu			
31	142211269	Nguyễn Quang Thái	K14XDD3	2		2						V	0.0	Không	NỢ LP		
32	162213302	Lê Văn Thanh	K16XDD2	8.5		5						6	6.1	Sáu phẩy Một			
33	162213308	Nguyễn Hữu Thời	K16XDD2	10		7.5						6	7.1	Bảy phẩy Một			
34	162213316	Trần Diễn Thuyết	K16XDD3	4		4						4	4.0	Bốn			
35	162213326	Tường Xuân Trúc	K16XDD3	3		3						V	0.0	Không	NỢ LP		
36	162217670	Nguyễn Tuấn Trung	K16XDD3	3		3						V	0.0	Không			
37	162213330	Nguyễn Đức Trường	K16XDD2	10		6						5.5	6.3	Sáu phẩy Ba			
38	152212654	Thùy Thanh Tuấn	K16XDD1	5.5		4						V	0.0	Không	NỢ HP		
39	162213333	Phạm Minh Tuấn	K16XDD2	10		6						5.5	6.3	Sáu phẩy Ba			
40	162213340	Nguyễn Hoàng Tuấn	K16XDD2	8.5		5						5	5.5	Năm phẩy Năm			
41	162213335	Phạm Mai Quang Tuấn	K16XDD3	3		3						V	0.0	Không	NỢ LP		
42	162213336	Nguyễn Anh Tuấn	K16XDD3	4		4						5	4.6	Bốn phẩy Sáu			

Ngày thi: 05/10/2014

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15		30							55	100		
43	162213338	Trần Anh Tuấn	K16XDD3	3		3						V	0.0	Không	NỢ LP	
44	162213344	Mai Đức Tuấn	K16XDD3	3		3						V	0.0	Không	NỢ LP	
45	162213349	Võ Đình Vũ	K16XDD2	8.5		5						4	5.0	Năm		
46	162213351	Trần Tuấn Vũ	K16XDD3	3		3						6	4.7	Bốn phần Bảy		
47	162213355	Đỗ Minh Vương	K16XDD3	0		0						V	0.0	Không	NỢ HP	
48	142211174	Nguyễn Tuấn Anh	K14XDD1	2		2						V	0.0	Không	NỢ LP	
49	132214556	Nguyễn Thọ Thắng	K14XDD2	2		2						V	0.0	Không	NỢ LP	
50	152212732	Đào Tiến Thường	K15XDD2	2		2						V	0.0	Không	NỢ LP	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	26	52%	
2	Số sinh viên nợ	24	48%	
TỔNG CỘNG :		50	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 10 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Ân